TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/DS-ST
Ngày: 04 - 3 -2025.
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Tám
2. Ông Lê Hoàng Vũ

- ***Thư ký phiên tòa****:* Ông Nguyễn Út Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng***: Vụ án không thuộc trường hợp phải có Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 04 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 145/2024/TLST- DS, ngày 25 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST-DS, ngày 17 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1995 – Chủ hộ kinh doanh Tân Thành Công; Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Bùi Thúy D, sinh năm 1996. Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Mai Ngọc S, sinh năm 1980.

Bà Nguyễn Thị Chúc L, sinh năm 1983 (vợ ông S).

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 10 năm 2024 của nguyên đơn và các

lời khai tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Bùi Thúy D đều trình bày:

Vào ngày 10/7/2018 vợ chồng ông Mai Ngọc S và bà Nguyễn Thị Chúc L có mua vật tư thủy sản của Hộ kinh doanh Tân Thành Công do ông Nguyễn Minh T là chủ hộ kinh doanh. Thời gian đầu mua bán hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng, đến ngày 16/3/2020 vợ chồng ông Mai Ngọc S, bà Nguyễn Thị Chúc L mới ký hợp đồng mua bán với ông Nguyễn Minh T. Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì cuối mỗi vụ thu hoạch tôm vợ chồng ông S, bà L phải thanh toán dứt điểm nợ cho ông T. Ngoài ra, hai bên còn thỏa thuận đến ngày thu hoạch tôm vợ chồng ông S, bà L phải thông báo cho ông T biết để cử nhân viên đến thu hồi nợ. Tuy nhiên, sau khi thu hoạch tôm vợ chồng ông S, bà L không thanh toán nợ cho ông T theo thỏa thuận. Ngày 03/11/2020 ông S, bà L nhận chuyến hàng cuối cùng, sau đó vợ chồng ông S, bà L có thu hoạch tôm nhưng không thanh toán nợ cho ông T với lý do là tôm bị mất mùa. Tính đến ngày 03/11/2020 vợ chồng ông S, bà L còn nợ lại ông T số tiền gốc 308.579.000 đồng (ba trăm lẻ tám triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn đồng). Ông T đã nhiều lần cử nhân viên đến nhà ông S, bà L để thu hồi nợ nhưng vợ chồng ông S chỉ hứa mà không trả. Vì vậy ông Trí mới làm đơn khởi kiện vợ chồng ông S, bà L đến Tòa án yêu cầu yêu cầu trả số tiền gốc là 308.579.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán từ ngày 04/11/2020 đến ngày 04/10/2024 (03 năm 11 tháng) là 120.860.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi phải trả tính đến ngày 04/10/2024 là 429.439.000 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Bùi Thúy Duy yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Mai Ngọc S và bà Nguyễn Thị Chúc L phải trả cho ông Trí số tiền mua vật tư thủy sản còn thiếu là 308.579.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 04/11/2020 đến ngày xét xử (ngày 04/3/2025) với số tiền là 133.182.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 441.761.000 đồng.

Bị đơn ông Mai Ngọc S trình bày*:*

Ông Mai Ngọc S thừa nhận trong thời gian từ năm 2018 đến năm 2020 vợ chồng ông Mai Ngọc S, bà Nguyễn Thị Chúc L có mua vật tư thủy sản tại Hộ kinh doanh Tân Thành Công (do ông Nguyễn Minh Trí) làm chủ hộ, tính đến ngày 03/11/2020 vợ chồng ông S, bà L còn nợ ông Trí số tiền là 308.579.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 04/10/2024 là 120.860.000 đồng. Tổng cộng là gốc và lãi là 429.439.000 đồng. Tuy nhiên do gia đình ông S đang gặp khó khăn nên vợ chồng ông S, bà L chỉ đồng ý trả nợ gốc là 308.579.000 đồng, yêu cầu nguyên đơn bỏ tiền

lãi. Nếu ông Trí đồng ý cho vợ chồng ông S, bà L trả nợ gốc và không tính lãi thì mỗi tháng vợ chồng ông S, bà L sẽ trả cho ông Trí số tiền là 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ:

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Đơn khởi kiện ngày 17/10/2024; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Hợp đồng mua bán hàng hóa; Sổ theo dõi mua hàng; Bảng đối chiếu công nợ ngày 31/03/2021; Biên bản làm việc ngày 01/11/2022. Giấy ủy quyền ngày 04/11/2024.

- *Tài liệu bị đơn cung cấp:* Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa nguyên đơn ông Nguyễn Minh T (người đại diện hợp pháp là bà Bùi Thúy D) với bị đơn ông Mai Ngọc S, bà Nguyễn Thị Chúc L là tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán hàng hóa. Cụ thể nguyên đơn ông Nguyễn Minh T (người đại diện theo ủy quyền là bà Bùi Thúy Duy) yêu cầu vợ chồng ông Mai Ngọc S, bà Nguyễn Thị Chúc L phải trả tiền vật tư thủy sản còn thiếu là 308.579.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán (theo mức lãi suất 10%/năm) từ ngày 04/11/2020 đến khi xét xử là 133.182.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 441.761.000 đồng.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Bùi Thúy Duy và vợ chồng ông Mai Ngọc S, bà Nguyễn Thị Chúc L đều xác nhận là trong thời gian từ năm 2018 đến năm 2020 vợ chồng ông Mai Ngọc S, bà Nguyễn Thị Chúc L có ký hợp đồng mua vật tư thủy sản của Hộ kinh doanh Tân Thành Công (do Nguyễn Minh Trí là chủ hộ kinh doanh). Đến năm 2020 thì hai bên ngừng giao dịch. Vợ chồng ông Mai Ngọc S, bà Nguyễn Thị Chúc L thừa nhận còn nợ lại ông Nguyễn Minh Trí số tiền gốc là 308.579.000 đồng nhưng cho rằng do gia đình đang gặp khó khăn nên chỉ đồng ý trả cho ông Nguyễn Minh Trí số tiền gốc là 308.579.000 đồng với hình thức mỗi tháng trả 2.000.000 đồng, yêu cầu nguyên đơn bỏ phần tiền lãi.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Bùi Thúy Duy không đồng ý bỏ lãi theo ý kiến của bị đơn. Nếu vợ chồng ông S, bà L đồng ý trả nợ gốc 1 lần thì nguyên đơn thống nhất lấy lại số tiền gốc, không yêu cầu tính lãi.

Qua ý kiến trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 16/3/2020 ông Mai Ngọc S, bà Nguyễn Thị Chúc L có ký hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thủy sản với cửa hàng kinh doanh Tân Thành Công do

ông Nguyễn Minh T làm chủ hộ kinh doanh, thời hạn hợp đồng là một năm (đến ngày 16/03/2021 là hết hạn hợp đồng). Tại mục 2.2 của Điều 2 trong hợp đồng hai bên có thỏa thuận là bên mua phải thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho bên bán ngay khi thu hoạch tôm. Tại phiên tòa, vợ chồng ông S, bà L thừa nhận hai bên đã ngừng mua bán với nhau từ năm 2020 và còn thiếu lại ông Trí số tiền gốc là 308.579.000 đồng nhưng đến nay chưa thanh toán số tiền còn thiếu cho ông T là vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bên mua theo quy định pháp luật cũng như theo thỏa thuận trong hợp đồng. Vì vậy, nguyên đơn ông Nguyễn Minh Trí khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Mai Ngọc S và bà Nguyễn Thị Chúc L phải trả tiền mua vật tư thủy sản còn thiếu với số tiền 308.579.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ.

Về phần lãi suất: Do vợ chồng ông S, bà L không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận, vì vậy nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông S, bà L phải trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là phù hợp theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự, cụ thể:

" 1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này". Do trong hợp đồng mua bán hai bên không có thỏa thuận về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ, nên mức lãi suất được áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự (không vượt quá 10%/năm).

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông S, bà L phải trả lãi do chậm thanh toán (từ ngày 04/11/2020 đến 04/3/2025 (52 tháng) với với mức lãi suất 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng) là phù hợp quy định pháp luật. Như vậy, số tiền lãi vợ chồng ông S, bà L phải trả cho ông Trí từ ngày 04/11/2020 đến 04/3/2025 (52 tháng) là 133.182.000 đồng. Tổng cộng số tiền gốc và lãi vợ chồng ông S, bà L phải có nghĩa vụ trả cho ông T là 441.761.000 đồng.

[4]. Về án phí: Vợ chồng ông Mai Ngọc S, bà Nguyễn Thị Chúc L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 21.670.000 đồng.

Nguyên đơn ông Nguyễn Minh T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.588.000 đồng (mười triệu năm trăm tám mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000769 ngày 21/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 357, Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định án phí và lệ phí Tòa án, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh T (người đại diện theo ủy quyền là bà Bùi Thúy D) với bị đơn ông Mai Ngọc S, bà Nguyễn Thị Chúc L về việc tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán hàng hóa.

2. Buộc ông Mai Ngọc S, bà Nguyễn Thị Chúc L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Minh T số tiền mua vật tư thủy sản còn thiếu tổng cộng gốc và lãi là 441.761.000 đồng (bốn trăm bốn mươi mốt triệu bảy trăm sáu mươi mốt nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong số tiền phải thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc vợ chồng ông Mai Ngọc S, bà Nguyễn Thị Chúc L phải chịu tiền án phí là 21.670.000 đồng (hai mươi mốt triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng).

Nguyên đơn ông Nguyễn Minh T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.588.000 đồng (mười triệu năm trăm tám mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000769 ngày 21/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tuấn Khanh